

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/KDTM - ST
Ngày: 10 tháng 11 năm 2017
“*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bắc

2. Bà Trần Thị Lê Na

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải –Thư ký Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2017/TLST - KDTM ngày 03 tháng 8 năm 2017 về “***Tranh chấp Hợp đồng tín dụng***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2017/QĐXXST - KDTM ngày 11 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2017/QĐST - KDTM ngày 28 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ**

Địa chỉ: 35 đường HV, quận HK, Thành phố Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Thẩm Hữu C** – Phó Giám đốc Phòng giao dịch PD – Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai

Địa chỉ: 29 đường LD, thành phố P, tỉnh Gia Lai

(Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 8695/QĐ – BIDV ngày 28/10/2016 và Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 1099/QĐ – BIDV.GL ngày 21/7/2017)

Có mặt

2. Bị đơn: Anh **Trần Đình N**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Hẻm TC, tổ 02, phường CL, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Phạm Thị Phúc H**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Hẻm TC, tổ 02, phường CL, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2017, bản tự khai ngày 03/8/2017, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên toà đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Hải trình bày:

Theo các quyết định ủy quyền về việc ký và thực hiện hợp đồng và các văn bản liên quan đến hoạt động cấp tín dụng, ngày 01/9/2015 Phòng giao dịch PD thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai (Sau đây viết tắt là Ngân hàng) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 02/2014/6301929/HĐTD với anh Trần Đình N. Theo Hợp đồng, Ngân hàng đã cho anh Trần Đình N vay số tiền 450.000.000 (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng để kinh doanh nông sản; lãi suất vào thời điểm cho vay là 9,5%/ năm đối với lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn là 120% lãi suất trong hạn, lãi suất trong hạn cố định đến hết ngày 25/9/2015, từ ngày 26/9/2015 trở đi lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 09 tháng do Ngân hàng TMCP Đ thông báo từng thời kỳ cộng thêm phí Ngân hàng là 3,2%/năm được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng không thấp hơn lãi suất vào thời điểm cho vay; thời hạn vay 09 tháng từ ngày 01/09/2015 đến ngày 01/06/2016. Sau khi ký kết hợp đồng, ngày 01/9/2015 Ngân hàng đã giải ngân cho anh Trần Đình N với số tiền 450.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, anh Trần Đình N và chị Phạm Thị Phúc H đã thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất tại tổ 02, phường CL, thành phố P, tỉnh Gia Lai với diện tích 264,2m² trong đó có 60m² đất ở, thửa đất số 343, tờ bản đồ số 28 và một nhà ở tư nhân với diện tích xây dựng là 60 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 452293 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 25/4/2014 cho anh Trần Đình N và chị Phạm Thị Phúc H theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2014/6301929/HĐBĐ ngày 09/10/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/2015/6301929/SĐBS ngày 31/8/2015. Hợp đồng thế chấp bất động sản và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản này đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã nhiều lần mời anh N và chị H đến làm việc đề nghị thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng anh N chỉ trả được 14.230.000 đồng tiền lãi, có biểu hiện chây ỳ, kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ và thiếu thiện chí trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay. Từ ngày 02/6/2016 Ngân hàng đã chuyển lãi quá hạn đối với khoản vay trên.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết buộc anh Trần Đình N thanh toán số tiền 556.101.500 đồng trong đó nợ gốc là 450.000.000 đồng và lãi vay tính đến ngày 10/11/2017 là 106.101.500 đồng. Trường hợp anh Trần Đình N không thanh toán được nợ, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài

sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2014/6301929/HĐBĐ ngày 09/10/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/2015/6301929/SĐBS ngày 31/8/2015 để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn anh Trần Đình N, tại phiên tòa anh Trần Đình N vắng mặt nhưng theo bản tự khai không đề ngày thể hiện:

Do anh cần giải quyết việc gia đình nên anh yêu cầu cho thời hạn vào ngày 20/9/2017 anh gặp đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai để hòa giải. Anh công nhận nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai số tiền 536.681.000 (Năm trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một nghìn) đồng, anh xin trả cả gốc và lãi cho Ngân hàng trong thời hạn 07 ngày vào ngày 27/09/2017.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Phúc H

Chị Phạm Thị Phúc H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để chị H trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ nhưng chị Phạm Thị Phúc H không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Do anh Trần Đình N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 02/2014/6301929/HĐTD giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai - Phòng giao dịch PĐ và anh Trần Đình N để kinh doanh nông sản nên đây là Tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Các bên tham gia giao kết hợp đồng đã thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để giải quyết tranh chấp, tuy nhiên thỏa thuận này không phù hợp với quy định tại Điều 33 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011 về thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại nên không có hiệu lực. Bị đơn anh Trần Đình N cư trú trên địa bàn thành phố Pleiku nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập họp lệ bị đơn anh Trần Đình N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Phúc H tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh N, chị H vắng mặt không có lý do vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Đình N và chị Phạm Thị Phúc H.

Chủ thể cho vay trong Hợp đồng tín dụng số 02/2014/6301929/HĐTD ngày 01/9/2015 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai – Phòng giao dịch PĐ trong phạm vi ủy quyền về việc ký và thực hiện hợp đồng và các văn bản liên quan đến hoạt động cấp tín dụng; đối tượng, mục đích giao kết phù hợp quy định của pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

Ngày 01/9/2015, anh Trần Đình N đã thực hiện việc rút vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai - Phòng giao dịch PĐ với số tiền 450.000.000 đồng. Bản thân anh Trần Đình N thừa nhận còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai – Phòng giao dịch PĐ số tiền 536.681.000 (Năm trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi một nghìn) đồng theo khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Như vậy, anh Trần Đình N hiện còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 556.101.500 đồng trong đó nợ gốc 450.000.000 đồng và lãi vay tính đến ngày 10/11/2017 là 106.101.500 đồng đúng như Ngân hàng khởi kiện.

Khi vay, anh Trần Đình N cam kết trả lãi hàng tháng, lãi trả theo quý và trả tiền gốc vào ngày đáo hạn nhưng đến thời điểm khởi kiện, anh N chỉ mới trả được 14.230.000 đồng tiền lãi. Do anh N không thực hiện đúng cam kết trả lãi và gốc nên ngày 02/6/2016 Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đã chuyển lãi quá hạn là phù hợp theo thỏa thuận trong hợp đồng và điều kiện và điều khoản vay đính kèm Hợp đồng tín dụng.

Lãi suất do các bên thỏa thuận tuân thủ quy định về mức lãi của Ngân hàng Nhà nước và chính sách của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ nên được xác định là căn cứ tính lãi. Hiệu lực của Hợp đồng tín dụng nói trên chấm dứt khi anh Trần Đình N thanh toán xong cả gốc, lãi và phí (nếu có) của toàn bộ những khoản vay phát sinh từ Hợp đồng nên anh Trần Đình N phải trả lãi cho đến ngày xét xử 10/11/2017 và tiếp tục trả lãi đến khi thanh toán xong các khoản nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu anh Trần Đình N thanh toán số 556.101.500 đồng trong đó nợ gốc 450.000.000 đồng và lãi vay tính đến ngày 10/11/2017 là 106.101.500 đồng. Xét yêu cầu này phù hợp theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật nên cần buộc anh Trần Đình N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2014/6301929/HĐBĐ ngày 09/10/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/6301929/SĐBS ngày 31/8/2015, anh Trần Đình N và bà Phạm Thị Phúc H đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Tổ 02, phường CL, thành phố P, tỉnh Gia Lai, diện tích 264,2 m² trong đó có 60 m² đất ở và 204.2 m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 343, tờ bản đồ số 28; trên đất có 01 nhà ở tư nhân, diện tích xây dựng 60m², diện tích sàn 60m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 452293 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 25/4/2014 cho anh Trần Đình N và chị Phạm Thị Phúc H để đảm bảo thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ phát sinh trong tương lai tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2014/6301929/HĐBĐ ngày 09/10/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/6301929/SĐBS ngày 31/8/2015 được lập thành văn bản và công chứng tại Phòng công chứng P ngày 10/10/2014 và 31/8/2015, tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố P ngày 10/10/2014 theo đúng quy định của giao dịch bảo đảm.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BS 452293 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 25/4/2014 cho anh Trần Đình N và chị Phạm Thị Phúc H là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bên thế chấp là anh N, chị H.

Đối với tài sản là 01 nhà ở tư nhân, diện tích xây dựng 60 m², diện tích sàn 60m², tài sản này chưa được cấp chứng nhận sở hữu nên theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Luật nhà ở năm 2005 anh Trần Đình N và chị Phạm Thị Phúc H không được quyền thế chấp. Tuy nhiên căn nhà được xây dựng trên lô đất thuộc quyền sử dụng của anh N, chị H là một khối thống nhất không thể tách rời; hợp đồng thế chấp được lập trước hợp đồng vay thể hiện ngay từ thời điểm thế chấp ý chí của anh N, chị H dùng toàn bộ tài sản là nhà và đất thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của họ đảm bảo cho khoản vay; mặc dù anh N, chị H chưa được cấp chứng nhận sở hữu nhưng giấy phép xây dựng cũng như bản xác nhận công trình xây dựng đã hoàn thành đều đứng tên anh Trần Đình N, chị Phạm Thị Phúc H và anh, chị cũng đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế xây dựng cơ bản và thu nhập cá nhân khi xây dựng nhà ở; tại thời điểm giải quyết vụ án, không có cá nhân, tổ chức nào tranh chấp với anh N, chị H về quyền sở hữu đối với nhà ở tư nhân nói trên. Vì vậy việc anh N, chị H chưa được cấp chứng nhận sở hữu nhà do chưa hoàn thành đầy đủ thủ tục cấp giấy chứng nhận không ảnh hưởng đến hiệu lực của Hợp đồng thế chấp.

Chị Phạm Thị Phúc H không thể hiện ý chí cá nhân đối với việc xử lý tài sản thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai - Phòng giao dịch PĐ trong trường hợp anh Trần Đình N không thanh toán hoặc thanh toán không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ tuy nhiên vào thời điểm thế chấp tài sản chị Phạm Thị Phúc H đều trực tiếp ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2014/6301929/HĐBĐ ngày 09/10/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/6301929/SĐBS ngày 31/8/2015. Vào thời điểm ký kết chị H có đủ năng lực hành vi dân sự, không có chứng cứ chứng minh bà bị ép buộc hay lừa dối phải ký kết hợp đồng thế chấp cũng như văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp, vì vậy chị H phải cùng anh N chịu trách nhiệm thực hiện theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp cũng như văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp.

Theo Hợp đồng thế chấp anh N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ phát sinh quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Vì vậy trường hợp anh Trần Đình N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ.

Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được chấp nhận nên anh Trần Đình N phải chịu án phí

$$20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times 156.101.500 \text{ đồng} = 26.244.060 \text{ đồng}$$

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 122, 280, 281, 283, 294, 342, 344, 351, 355, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 30, Điều 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2011;
- Căn cứ các Điều 4; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 97, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ về việc yêu cầu anh Trần Đình N thanh toán nợ vay.

Buộc anh Trần Đình N trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai số tiền 556.101.500 đồng trong đó nợ gốc là 450.000.000 đồng và lãi vay tính đến ngày 10/11/2017 là 106.101.500 đồng.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng tín dụng và điều kiện và điều khoản vay (đính kèm Hợp đồng tín dụng) đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Trường hợp anh Trần Đình N không thanh toán được nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Tờ 02, phường CL, thành phố P, tỉnh Gia Lai, diện tích 264,2 m² trong đó có 60 m² đất ở và 204.2 m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 343, tờ bản đồ số 28; trên đất có 01 nhà ở tư nhân, diện tích xây dựng 60m², diện tích sàn 60m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 452293 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 25/4/2014 cho anh Trần Đình N và chị Phạm Thị Phúc H theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2014/6301929/HĐBĐ ngày 09/10/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/6301929/SĐBS ngày 31/8/2015.

Về án phí: Anh Trần Đình N phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 26.244.060 (Hai mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi) đồng sung công quỹ Nhà nước.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.733.620 (Mười hai triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi) đồng theo biên lai thu tiền số 0003502 ngày 03/8/2017 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố P.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng anh Trần Đình N và chị Phạm Thị Phúc H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai
- Thi hành án dân sự thành phố P
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Thúy